

# HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI GIA CẦM Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Thị Ngọc Hoa<sup>1</sup> và Mai Văn Nam<sup>2</sup>

## ABSTRACT

*The study analyzed production efficiency of poultry raising and its determinants in the Mekong Delta. The research results showed that poultry farm archived high efficiency. The results high light the scale, method of rasing, kinds of poultry, training as the main causes of the difference in profit of breeding poultry to get meat. Meanwhile, the scale, training, epidemic, quarantine are main determinants of the difference in profit of breeding poultry to get eggs. The probit function showed that training, age, and capital strongly effect on the decision if the household increase the scale or not. Based on the findings this paper introduces some related solutions. Finally, the paper offers some suggestions for local administration and the government's policies which aiming to develop the poultry activity and to control the avian flu.*

**Keywords:** *poultry raising, production efficiency*

**Title:** *Production efficiency of poultry raising in the Mekong Delta*

## TÓM TẮT

*Đề tài nghiên cứu nhằm phân tích hiệu quả chăn nuôi gia cầm ở Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động chăn nuôi gia cầm mang lại hiệu quả cao cho người chăn nuôi về mặt tài chính. Kết quả hàm phân tích phân biệt đã cho thấy được là quy mô đàn, phương thức nuôi, loại gia cầm và tập huấn là những yếu tố tạo nên sự phân biệt lợi nhuận của hộ chăn nuôi gia cầm lấy thịt; ngoài quy mô nuôi và tập huấn thì dịch bệnh và kiểm dịch cũng là những yếu tố tạo nên sự phân biệt lợi nhuận của hộ chăn nuôi gia cầm lấy trứng. Kết quả mô hình probit cho thấy tập huấn, tuổi của chủ hộ và vốn là các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mở rộng quy mô chăn nuôi của hộ. Dựa vào kết quả nghiên cứu, đề tài đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả chăn nuôi gia cầm; đề tài cũng đề xuất một số kiến nghị đối với chính quyền địa phương và chính sách của nhà nước để phát triển chăn nuôi gia cầm nhưng vẫn không chế được việc dịch cúm lây lan.*

**Từ khóa:** *chăn nuôi gia cầm, hiệu quả chăn nuôi*

## 1 SỰ CẦN THIẾT NGHIÊN CỨU

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng trọng điểm trong sản xuất nông nghiệp, ngoài cây lúa, các loại thủy hải sản có giá trị xuất khẩu thì các sản phẩm từ chăn nuôi gia súc gia cầm cũng có tiềm năng phát triển rất mạnh. Các sản phẩm từ heo, gà, vịt... đã góp phần đáng kể trong việc cung cấp thực phẩm cho người tiêu dùng cả trong nước và xuất khẩu. Ngoài ra, chăn nuôi trong nông nghiệp cũng là một trong những biện pháp hữu hiệu để có thể tận dụng được một lượng lao động nhàn rỗi trong nông thôn, giải quyết việc làm cho người dân lao động. Nhưng trong thực tế thì để có thể phát triển lĩnh vực này còn rất nhiều khó khăn, mà khó

<sup>1</sup>Nguyễn Thị Ngọc Hoa, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup> Mai Văn Nam, Trường Đại học Cần Thơ

khăn nổi bật nhất là dịch cúm gia cầm vẫn thường xảy ra đã làm cho mức cung về gia cầm không còn nhiều như trước đây trong khi nhu cầu về gia cầm sạch của người dân là rất cao, đồng thời cũng ảnh hưởng đến việc phát triển đàn gia cầm trong tương lai. Hoạt động chăn nuôi và tiêu thụ gia cầm đang được kiểm soát chặt chẽ để người tiêu dùng có được sản phẩm sạch sử dụng. Tuy nhiên, để thay đổi cách làm của người dân từ trước đến nay vốn theo kiểu chăn nuôi theo quy mô nhỏ lẻ là điều không dễ dàng.

Nghiên cứu về “Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi gia cầm ở Đồng bằng sông Cửu Long” được hình thành với mong muốn giúp cho các hộ chăn nuôi gia cầm đánh giá một cách tổng quát về hoạt động chăn nuôi của họ. Ngoài ra, các cơ quan quản lý ở địa phương có thể dựa vào kết quả của nghiên cứu này mà có căn cứ khoa học để đưa ra những chính sách phù hợp với tình hình thực tế.

## 2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành tại tỉnh Hậu Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, An Giang, Trà Vinh và thành phố Cần Thơ. Thời gian được khảo sát từ tháng 11/2008 đến 3/2009.

### 2.2 Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm phân tích hiệu quả chăn nuôi gia cầm của các nông hộ tại Đồng bằng sông Cửu Long:

- Phân tích thực trạng chăn nuôi gia cầm.
- Phân tích hiệu quả chăn nuôi gia cầm của các nông hộ.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi gia cầm.
- Đề xuất giải pháp phát triển chăn nuôi gia cầm ở ĐBSCL.

### 2.3 Phương pháp nghiên cứu

#### 2.3.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng bảng câu hỏi soạn sẵn, phỏng vấn trực tiếp 504 hộ chăn nuôi gia cầm bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo vùng nghiên cứu.

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan quản lý thú y trong vùng, từ các báo cáo ngành, niên giám thống kê các tỉnh và tham khảo các nghiên cứu trước có liên quan.

#### 2.3.2 Phương pháp phân tích số liệu

- Sử dụng phương pháp phân tích chi phí – lợi ích để phân tích hiệu quả chăn nuôi gia cầm.
- Sử dụng hàm phân tích phân biệt (discriminant analysis) để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi gia cầm. Hàm phân tích phân biệt có dạng:

$$D = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_nX_n$$

Trong đó:  $D$  là điểm phân biệt;  $b_i$ : các hệ số hay trọng số phân biệt;  $X_i$ : các biến độc lập ( $i = \overline{1, n}$ ). Hệ số hay trọng số  $b_i$  được ước lượng để phân biệt sự khác nhau giữa các nhóm dựa vào giá trị của hàm phân biệt, khi tỷ số giữa tổng bình phương giữa các nhóm và trong từng nhóm có đặc điểm rất lớn.

- Sử dụng hàm probit để xác định khả năng mở rộng quy mô chăn nuôi gia cầm của người chăn nuôi bị phụ thuộc vào yếu tố nào. Mô hình Probit ước lượng xác suất xảy ra của biến phụ thuộc như là một hàm số của các biến độc lập. Đây là mô hình hồi quy tuyến tính có điều kiện. Giả sử rằng chúng ta có mô hình hồi quy:

$$Y = \beta_1 + \beta_2 X + U$$

Trong đó  $Y$  là biến nhị phân nhận hai giá trị là 0 và 1 ( $Y = 0$ : hộ không mở rộng quy mô nuôi gia cầm;  $Y = 1$ : hộ mở rộng quy mô nuôi gia cầm);  $X$ : các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng quy mô nuôi gia cầm của hộ.

Khi đó mô hình Probit như sau:

$$\Pr(Y=1/X) = p = \Phi(\beta_1 + \beta_2 X)$$

$P$ : khả năng (hay xác suất) nông hộ mở rộng quy mô nuôi gia cầm

$$\Phi: \text{Hàm phân phối chuẩn tắc } \Phi(X) = \frac{1}{\sqrt{2\pi\sigma}} \int_{-\infty}^X e^{-\frac{t^2}{2\sigma^2}} dt$$

$\beta_2$  cho chúng ta biết thay đổi biên dọc theo trục hoành khi tăng một đơn vị  $X$ . Để biết điều này tác động lên xác suất như thế nào người ta thường biểu diễn như sau:

$$\frac{\partial \Pr(Y = 1 / X)}{\partial X} = \frac{\partial p}{\partial X} = \frac{\partial \Phi(\beta_1 + \beta_2 X)}{\partial X} = \phi(\beta_1 + \beta_2 X) \beta_2$$

Trong đó,  $\phi$  là hàm mật độ phân phối chuẩn tắc  $\phi(X) = \frac{1}{\sqrt{2\pi\sigma}} e^{-\frac{t^2}{2\sigma^2}}$

### 3 TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI GIA CẦM TẠI ĐBSCL

Lượng gia cầm tại ĐBSCL tăng liên tục từ 2001 đến 2003, nhưng từ khi dịch cúm gia cầm bùng phát ở Việt Nam vào 12/2003, hầu hết các địa phương trên cả nước đều bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp từ dịch cúm này. Là vùng có lượng nuôi gia cầm đứng thứ hai của cả nước (sau Đồng bằng Sông Hồng), lại bị ảnh hưởng nhiều nhất từ dịch cúm nên so với các khu vực khác thì lượng gia cầm được nuôi ở ĐBSCL giảm mạnh nhất từ năm 2004, từ sau dịch cúm, do quy định chặt chẽ của các cơ quan quản lý nên lượng gia cầm có tăng nhưng lượng nuôi vẫn không phục hồi như trước khi có dịch.

Do đặc trưng về điều kiện tự nhiên của mỗi địa phương nên lượng gia cầm nuôi tại ĐBSCL phân bố không đều, tập trung nhiều nhất ở Tiền Giang, An Giang và Kiên Giang, ít nhất là Cà Mau và Bạc Liêu.

Do thiệt hại của những đợt dịch cúm, cộng với tâm lý lo ngại của người tiêu dùng, lượng trứng và lượng thịt tiêu thụ cũng giảm mạnh. Tuy nhiên, nhờ sự kiểm tra chặt chẽ của các cơ quan chức năng mà dịch cúm cũng dần dần ít ảnh hưởng nên lượng trứng, thịt tiêu thụ dần tăng lên. Bảng 1 dưới đây cho thấy số lượng gia cầm, sản lượng thịt và trứng ở ĐBSCL.

**Bảng 1: Số lượng gia cầm, sản lượng thịt và trứng ở ĐBSCL phân theo địa phương năm 2007**

Tỉnh	Tổng số gia cầm (1.000 con)	Trong đó		Sản lượng thịt gia cầm hơi giết bán (tấn)	Sản lượng trứng gia cầm các loại (1.000 trứng)
		Gà (1.000 con)	Vịt, ngan, ngỗng (1.000 con)		
Long An	3.568,8	1.799,8	1.769,0	6.146,0	56.863,0
Đồng Tháp	3.395,5	866,7	2.528,8	5.191,0	55.490,0
An Giang	4.552,0	542,2	4.009,8	5.207,0	421.422,0
Tiền Giang	4.974,0	2.823,0	2.151,0	8.431,0	186.756,0
Vĩnh Long	2.895,0	1.540,0	1.355,0	9.760,0	146.552,0
Bến Tre	2.766,6	1.786,0	980,6	4.270,0	45.852,0
Kiên Giang	4.289,3	1.154,3	3.135,0	9.580,0	319.916,0
Cần Thơ	1.848,3	273,1	1.575,2	3.468,0	62.821,0
Hậu Giang	2.966,1	1.053,3	1.912,8	5.547,0	102.776,0
Trà Vinh	3.231,7	1.360,3	1.871,4	5.170,0	122.802,0
Sóc Trăng	3.122,0	1.134,0	1.988,0	3.427,0	25.169,0
Bạc Liêu	1.360,2	473,2	887,0	2.542,0	28.850,0
Cà Mau	897,3	424,6	472,7	1.238,0	2.970,0
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.866,8</b>	<b>15.230,5</b>	<b>24.636,3</b>	<b>69.977,0</b>	<b>1.578.239,0</b>

Nguồn: <http://www.cucchannuoi.gov.vn/Statistical.aspx>

### 3.1 Phương thức nuôi và đặc điểm tiêu thụ sản phẩm gà

#### 3.1.1 Phương thức nuôi

Ở ĐBSCL, gà được nuôi tập trung ở các tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Vĩnh Long với 3 phương thức chính:

- Chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ.
- Chăn nuôi bán công nghiệp.
- Chăn nuôi công nghiệp.

#### 3.1.2 Tình hình thị trường sản phẩm

Trước dịch cúm gia cầm, trên 95% sản phẩm bán là tươi sống và hoàn toàn tiêu thụ trong nước. Gà sống và sản phẩm được bán khắp nơi, trong các chợ nông thôn, chợ nông sản và các chợ thành thị. Sản phẩm không chế biến, không bao gói, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm...

Sau khoảng thời gian thị trường gần như “đóng băng” do dịch cúm xảy ra, các địa phương đã tăng cường quản lý và có chính sách hỗ trợ, khuyến khích ổn định thị trường. Một số doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ, chế biến tập trung, cung cấp cho thị trường một lượng sản phẩm bảo đảm vệ sinh nhất định, bước đầu tạo niềm tin và thói quen sử dụng sản phẩm qua chế biến, giết mổ cho người tiêu dùng.

### 3.2 Phương thức nuôi và đặc điểm tiêu thụ sản phẩm vịt

Vịt được nuôi rộng khắp ở ĐBSCL. Tuy nhiên, chủ yếu tập trung ở An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp.

#### 3.2.1 Các phương thức chăn nuôi vịt

- Chăn nuôi vịt chạy đồng: chiếm khoảng 65 – 70% tổng đàn.
- Chăn nuôi nhỏ lẻ hộ gia đình chiếm khoảng 15 – 20% tổng đàn thủy cầm.
- Chăn nuôi công nghiệp: chiếm khoảng 15 – 17% tổng đàn mới phát triển khoảng 10 năm gần đây chủ yếu tại một số tỉnh ĐBSCL và Đông Nam Bộ.

#### 3.2.2 Thị trường tiêu thụ sản phẩm từ vịt

Thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy cầm ở ĐBSCL không có sự khác biệt nhiều so với các khu vực trong cả nước, chủ yếu là tiêu thụ trong nước. Trước khi xảy ra dịch cúm gia cầm ở nước ta, hàng năm ta xuất khẩu qua con đường tiểu ngạch một khối lượng nhỏ trứng vịt muối sang thị trường Trung Quốc, Đài Loan; trong năm 2007 và đầu năm 2008, số lượng trứng muối xuất khẩu hơn 52 triệu trứng<sup>1</sup>; và cùng với trứng vịt muối là một số lượng nhỏ lông vũ. Sản phẩm thịt và trứng vịt được tiêu thụ quanh năm, sản phẩm được tiêu thụ chủ yếu là trứng vịt, kể cả trứng vịt lộn.

## 4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 4.1 Thông tin chung về hộ chăn nuôi

- Số năm trong nghề: gần 13 năm
- Tuổi của chủ hộ: hơn 45 tuổi
- Trình độ học vấn của chủ hộ: vừa hết tiểu học
- Diện tích đất nông nghiệp: 6.380 m<sup>2</sup>
- Lý do chủ yếu chọn nuôi gia cầm: có lời hay kiếm thêm thu nhập
- Quy mô chăn nuôi: quy mô nhỏ
- Khó khăn chính trong chăn nuôi gia cầm: thiếu vốn
- Chủ yếu bán sản phẩm cho thương lái

### 4.2 Hiệu quả chăn nuôi gia cầm

#### 4.2.1 Hiệu quả chăn nuôi gia cầm

Từ kết quả ở bảng 2 cho thấy nhìn chung, các hộ chăn nuôi gia cầm đạt được hiệu quả về mặt tài chính. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí cho thấy trong 4 loại gia cầm thì vịt nuôi để lấy thịt đem lại hiệu quả cho người chăn nuôi thấp nhất. Trên thực tế, vịt đẻ thường được nuôi theo hình thức chạy đồng, mà theo hình thức này thì người nuôi có thể đỡ tốn chi phí thức ăn do tận dụng được thức ăn tự nhiên trên đồng ruộng. Tuy nhiên, hình thức này cũng phải tốn nhiều thời gian quản lý đàn vịt và thời gian thu hồi vốn lâu.

<sup>1</sup> Cơ quan thú y vùng VII

**Bảng 2: Hiệu quả chăn nuôi gia cầm**

Chỉ tiêu	ĐVT	Gà thịt	Vịt thịt	Gà đẻ	Vịt đẻ
Tổng doanh thu	Đồng*	43.811,1	23.276,8	1.307,1	1.456,7
Tổng chi phí	Đồng*	33.977,1	22.100,8	1.061,9	1.118,3
Lợi nhuận	Đồng*	9.834,0	1.176,0	245,2	338,4
Doanh thu/tổng chi phí	lần	1,29	1,05	1,23	1,30
Lợi nhuận/doanh thu	lần	0,22	0,05	0,19	0,23
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí	lần	0,29	0,06	0,23	0,30

Nguồn: tính từ số liệu điều tra năm 2009

\*Tính cho 1kg đối với gà thịt và vịt thịt, tính trên 1 trứng đối với gà đẻ, vịt đẻ

#### 4.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi gia cầm

Để xác định những nhân tố ảnh hưởng nào tạo nên sự khác biệt về lợi nhuận giữa các hộ chăn nuôi, ta sử dụng hàm phân tích phân biệt. Trong hàm phân tích phân biệt, biến phụ thuộc là lợi nhuận, được xác định bằng cách chia lợi nhuận thu được của hộ thành 2 nhóm là nhóm hộ có lợi nhuận cao và nhóm hộ có lợi nhuận thấp. Dựa vào thống kê mô tả ta tìm ra được lợi nhuận trung bình. Nếu lợi nhuận của hộ lớn hơn lợi nhuận trung bình thì gọi là lợi nhuận cao, ngược lại thì gọi là lợi nhuận thấp.

Từ kết quả bảng 3 cho ta thấy là có 4 yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận chăn nuôi gia cầm lấy thịt là Quy mô đàn, phương thức nuôi, loại gia cầm và tập huấn kỹ thuật, trong đó phương thức nuôi và loại gia cầm là hai yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phân biệt giữa hai nhóm. Từ kết quả này có thể kết luận những hộ nuôi gà thịt có lời cao hơn những hộ nuôi vịt thịt, hộ nuôi theo phương thức chỉ nhốt chuồng thì lời ít hơn hộ nuôi theo phương thức khác do không tận dụng được nguồn thức ăn sẵn có trong tự nhiên. Khi hộ nuôi theo quy mô càng lớn thì nhờ hiệu quả theo quy mô nên lời hơn hộ nuôi với số lượng ít, hộ được tập huấn kỹ thuật trong quá trình chăn nuôi cũng đạt lợi nhuận cao hơn hộ không được tập huấn. Kết quả hàm phân tích phân biệt lợi nhuận của hộ chăn nuôi gia cầm lấy thịt có thể viết như sau:

$$D = -5,924 + 0,933X_1 + 0,981X_2 + 1,290X_3 + 0,693X_6$$

Đối với hộ nuôi gia cầm lấy trứng thì quy mô đàn, tập huấn kỹ thuật, dịch bệnh và kiểm dịch là những yếu tố ảnh hưởng đến sự phân biệt lợi nhuận giữa các hộ chăn nuôi. Hệ số hàm phân biệt chuẩn hóa cho ta thấy rằng dịch bệnh là yếu tố quan trọng nhất tạo nên sự phân biệt về lợi nhuận của các hộ chăn nuôi gia cầm lấy trứng, tập huấn cũng là biến quan trọng ảnh hưởng đến lợi nhuận của hộ, còn lại hai yếu tố là quy mô đàn và kiểm dịch cũng góp phần phân biệt các nhóm nhưng mức độ quan trọng ít hơn. Hệ số hàm phân biệt cho ta kết luận là những hộ bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch cúm gia cầm thì sẽ có lợi nhuận thấp, trong quá trình chăn nuôi nếu như hộ áp dụng đúng quy trình kiểm dịch được đưa ra bởi cơ quan thú y thì sẽ có lợi nhuận cao hơn. Sự tác động của yếu tố quy mô đàn và tập huấn cũng giống như trong trường hợp đối với gia cầm lấy thịt. Kết quả hàm phân tích phân biệt các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của hộ như sau:

$$D = -0,353 + 0,145X_2 + 1,209X_5 + 0,234X_7$$

**Bảng 3: Kết quả phân tích phân biệt các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi gia cầm**

Loại sản phẩm	Yếu tố ảnh hưởng	F	Ý nghĩa thống kê (Pvalue)	Hệ số hàm phân biệt chuẩn hóa	Hệ số hàm phân biệt
Lấy thịt	<b>Quy mô đàn gia cầm (X<sub>1</sub>)</b>	<b>6,474</b>	<b>0,012</b>	<b>0,488</b>	<b>0,933</b>
	<b>Phương thức nuôi (X<sub>2</sub>)</b>	<b>4,473</b>	<b>0,036</b>	<b>0,742</b>	<b>0,981</b>
	<b>Loại gia cầm (X<sub>3</sub>)</b>	<b>6,330</b>	<b>0,013</b>	<b>0,631</b>	<b>1,290</b>
	Tuổi (X <sub>4</sub> )	0,175	0,676	0,121	0,012
	Kinh nghiệm (X <sub>5</sub> )	0,720	0,397	0,153	0,018
	<b>Tập huấn (X<sub>6</sub>)</b>	<b>5,740</b>	<b>0,017</b>	<b>0,314</b>	<b>0,693</b>
	Vốn (X <sub>7</sub> )	0,576	0,449	0,188	0,388
	Dịch bệnh (X <sub>8</sub> )	0,557	0,456	0,492	1,009
	Kiểm dịch (X <sub>9</sub> )	0,775	0,380	0,133	0,272
	Kiểm tra (X <sub>10</sub> )	0,347	0,556	0,060	0,137
Lấy trứng	<b>Quy mô đàn gia cầm (X<sub>1</sub>)</b>	<b>4,912</b>	<b>0,027</b>	<b>0,392</b>	<b>0,922</b>
	Phương thức nuôi (X <sub>2</sub> )	2,413	0,121	0,346	0,425
	Loại vật nuôi (X <sub>3</sub> )	0,015	0,902	-0,243	-0,791
	Tuổi (X <sub>4</sub> )	1,944	0,164	-0,346	-0,032
	Kinh nghiệm (X <sub>5</sub> )	1,985	0,160	0,369	0,044
	<b>Tập huấn (X<sub>6</sub>)</b>	<b>8,151</b>	<b>0,005</b>	<b>0,480</b>	<b>1,309</b>
	Vốn (X <sub>7</sub> )	1,191	0,276	-0,295	-0,595
	<b>Dịch bệnh (X<sub>8</sub>)</b>	<b>7,049</b>	<b>0,008</b>	<b>-0,505</b>	<b>-1,025</b>
	<b>Kiểm dịch (X<sub>9</sub>)</b>	<b>3,755</b>	<b>0,054</b>	<b>0,315</b>	<b>0,812</b>
	Kiểm tra (X <sub>10</sub> )	0,708	0,401	-0,339	-1,325

Nguồn: Kết quả xử lý bằng phần mềm SPSS từ số liệu điều tra năm 2009

#### 4.2.3 Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mở rộng quy mô chăn nuôi của các hộ được điều tra

Để đề xuất giải pháp có hiệu quả, trước hết cần xác định xu hướng chăn nuôi của các hộ được điều tra phụ thuộc vào những yếu tố nào. Trong nghiên cứu này, ta xem xét khả năng các hộ chăn nuôi có mở rộng quy mô chăn nuôi hay không và những yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến quyết định của họ. Với mục tiêu đó, ta sử dụng hàm probit để xác định. Kết quả được đưa ra nhờ sự hỗ trợ của phần mềm ứng dụng Stata được trình bày ở (Bảng 4).

Kết quả mô hình Probit cho thấy giá trị P kiểm định mô hình rất có ý nghĩa để giải thích thực tế. Phần trăm dự báo đúng của mô hình khá cao (73,41%), điều này cho thấy mức độ phù hợp của mô hình là khá cao.

Trong nghiên cứu này, tác giả xem xét sự biến động biên của xác suất khi biến độc lập tăng lên một đơn vị. Hệ số dF/dx sẽ giải thích sự thay đổi của biến độc lập lên khả năng mở rộng quy mô chăn nuôi của hộ.

- Số lao động hiện có của chủ hộ: dấu của hệ số phù hợp với dấu kỳ vọng. Tuy nhiên, lại không có ý nghĩa. Điều này có thể lý giải rằng, số lao động trong hộ

là nhiều hay ít không ảnh hưởng đến khả năng mở rộng quy mô chăn nuôi của hộ, khi thiếu lao động thì hộ có thể thuê thêm lao động bên ngoài.

- Tập huấn: dấu của hệ số phù hợp với kỳ vọng và có mức ý nghĩa thống kê khá cao. Điều này khá phù hợp với thực tế là khi hộ được tập huấn kỹ thuật thì họ có đủ tự tin để mở rộng quy mô, khi được trang bị kỹ thuật đầy đủ thì họ có thể yên tâm chăm sóc đàn vật nuôi của mình. Theo kết quả nêu trên, khi hộ được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi thì khả năng hộ mở rộng quy mô tăng lên 18,5%, tác động này là khá lớn.
- Tuổi của chủ hộ: dấu của hệ số phù hợp với kỳ vọng và có ý nghĩa thống kê cho phép ta giải thích rằng tuổi của chủ hộ tăng lên 1 tuổi thì khả năng mở rộng quy mô chăn nuôi của hộ giảm 0,5%. Điều này chứng tỏ rằng khi tuổi của chủ hộ càng lớn thì sức khỏe càng kém đi, khi đó nếu mở rộng quy mô thì họ sẽ không kiểm soát nổi đàn gia cầm của mình.
- Giới tính của chủ hộ: Giới tính của chủ hộ là nam hay nữ không ảnh hưởng đến khả năng mở rộng quy mô chăn nuôi của hộ.
- Dịch bệnh: Dấu của biến này phù hợp với dấu kỳ vọng. Mặc dù mức ý nghĩa thống kê không cao nhưng cũng cho phép ta giải thích được nếu hộ bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch cúm gia cầm thì khả năng mở rộng quy mô chăn nuôi của hộ giảm đi 8%. Trên thực tế, khi địa phương nào bị ảnh hưởng bởi dịch cúm gia cầm thì việc chăn nuôi gia cầm sẽ bị kiểm soát chặt chẽ hơn. Đồng thời, người tiêu dùng sẽ ngại sử dụng sản phẩm từ loại vật nuôi này dẫn đến khó tiêu thụ sản phẩm. Do đó, người chăn nuôi cũng ngại đầu tư mở rộng quy mô sản xuất của họ.
- Diện tích: diện tích đất nông nghiệp của hộ nhiều hay ít không ảnh hưởng đến việc quyết định mở rộng quy mô chăn nuôi của hộ.
- Vốn: dấu của biến này phù hợp với kỳ vọng và ở mức ý nghĩa 1% ta có thể giải thích khi hộ có khó khăn về vốn thì khả năng mở rộng quy mô của hộ giảm 14,8%.

**Bảng 4: Kết quả hồi quy mô hình Probit cho khả năng mở rộng quy mô chăn nuôi gia cầm của nông hộ ĐBSCL**

<b>Biến giải thích</b>	<b>dF/dx</b>	<b>Giá trị P</b>
Lao động (X <sub>1</sub> )	0,028	0,135
<b>Tập huấn (X<sub>2</sub>)</b>	<b>0,185</b>	<b>0,000</b>
<b>Tuổi (X<sub>3</sub>)</b>	<b>-0,005</b>	<b>0,025</b>
Giới tính (X <sub>4</sub> )	-0,088	0,358
<b>Dịch bệnh (X<sub>5</sub>)</b>	<b>-0,080</b>	<b>0,088</b>
Diện tích (X <sub>6</sub> )	-0,002	0,543
<b>Vốn (X<sub>7</sub>)</b>	<b>-0,148</b>	<b>0,001</b>
% dự báo đúng của mô hình (%)	73,41	
Giá trị kiểm định P của mô hình	0,000	

Nguồn: Kết quả xử lý bằng phần mềm Stata từ số liệu điều tra năm 2009



### 4.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả chăn nuôi gia cầm

- Hộ chăn nuôi gia cầm cần bỏ tâm lý ỷ lại vào kinh nghiệm bản thân để tham gia các lớp tập huấn (nếu có) hoặc tham khảo kỹ thuật từ các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài,...; cần phải tạo mối quan hệ tốt với những người cung cấp để từ đó có thể được thanh toán chậm vào cuối vụ để giảm áp lực về tài chính trong quá trình chăn nuôi.
- Từ kết quả phân tích ta thấy, dịch bệnh là một yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi cũng như quyết định mở rộng quy mô chăn nuôi của hộ. Thực tế cho thấy, khi hộ nuôi theo dạng nuôi thả thì có lợi nhuận cao hơn. Tuy nhiên, do tình hình dịch cúm thường xuyên tái phát và để tránh tình trạng bệnh lây lan do việc kiểm soát các đàn gia cầm nuôi thả thiếu chặt chẽ, các hộ chăn nuôi cũng cần phải chú ý đến quy trình kiểm dịch trong quá trình chăn nuôi. Các hộ có thể kết hợp nuôi theo dạng bán thả có kiểm soát chặt chẽ của người chăn nuôi, đặc biệt nhất là đối với những hộ chăn nuôi vịt theo dạng cho vịt chạy đồng.

## 5 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 5.1 Kết luận

Các hộ chăn nuôi gia cầm ở ĐBSCL đạt được hiệu quả cao về mặt tài chính. Không có sự khác nhau nhiều trong hiệu quả chăn nuôi giữa gia cầm nuôi lấy trứng và gia cầm nuôi lấy thịt. Việc tiếp cận thông tin thị trường của các thành viên tham gia vào kênh cũng khá dễ dàng. Tuy nhiên, vấn đề còn tồn tại là đa số các hộ chăn nuôi vẫn còn nuôi với quy mô đàn nhỏ lẻ, manh mún; giá cả trên thị trường biến động thất thường; trong chăn nuôi gia cầm các hộ còn gặp khó khăn lớn về vốn trong khi địa phương lại không khuyến khích vay vốn cho chăn nuôi gia cầm nên các hộ phải đi vay từ những nguồn vay không chính thức.

### 5.2 Kiến nghị

Đối với hộ chăn nuôi: nên tìm mua giống sạch bệnh, phối hợp với cán bộ thú y thực hiện tốt quy trình kiểm dịch, tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật chăn nuôi và chăm sóc; phải có kế hoạch chăn nuôi cụ thể theo quy mô vừa và lớn thì mới có thể tránh được ép giá của người mua.

Đối với chính quyền địa phương: Đối với các tổ chức tín dụng, cần có chính sách hợp lý hơn trong việc xét duyệt cho vay để tạo điều kiện cho người chăn nuôi có thể tiếp cận được nguồn vốn vay cho chăn nuôi. Đối với các cơ quan ban ngành về chăn nuôi và thú y cần chú trọng nâng cao kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi cũng như ý thức cho người chăn nuôi trong việc phòng và chống dịch bệnh cho vật nuôi. Chính quyền địa phương cần hướng dẫn và hỗ trợ để họ có thể chuyển nghề có hiệu quả. Chi cục thú y tại địa phương cần tích cực phối hợp cùng các ngành chức năng liên quan và chính quyền địa phương tăng cường tuần tra kiểm soát chặt chẽ và có hiệu quả trong công tác kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm

Nhà nước cần quản lý và ban hành các chính sách thích hợp góp phần bình ổn thị trường đầu ra và thị trường đầu vào; sớm có chính sách quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung và hệ thống các cơ sở chế biến bảo quản các sản phẩm từ gia cầm. Cần phổ biến những mô hình nuôi an toàn sinh học rộng rãi đến các hộ chăn

nuôi, đồng thời phải gắn những mô hình này với thị trường thông qua việc cung cấp cho người nuôi những địa chỉ tin cậy cung cấp con giống, thức ăn, những doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, NXB thống kê
- Lê Văn Gia Nhỏ (2005), Phân tích ngành hàng và động thái của hệ thống sản xuất nông nghiệp trên nông hộ canh tác lúa xuất khẩu. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.
- Mai Văn Nam (2008), “Ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm: kiểm dịch và giá tiêu thụ sản phẩm gia cầm ở Đồng bằng sông Cửu Long”, Tạp chí nghiên cứu kinh tế (số 358), 48-56.
- Nguyễn Thị Hồng Liễu (2007), Phân tích tình hình chăn nuôi sản phẩm gia cầm ở Đồng bằng sông Cửu Long: trường hợp gà công nghiệp, Luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Cần Thơ.
- Trần Võ Hùng Sơn (2003), Nhập môn phân tích chi phí – lợi ích, NXB Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm khuyến nông khuyến ngư quốc gia (2008), Chuyên đề: Phát triển bền vững nghề truyền thống nuôi vịt ở ĐBSCL.